TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2024/HS-ST
Ngày 24 - 5 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chữ Cần.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thảo.

Ông Nguyễn Quốc Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Phương Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nhâm Hoàng Long - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2024 tại tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 82/2024/TLST-HS ngày 22 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2024/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 5 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Vũ L, sinh năm 1999 tại tỉnh Sóc Trăng; hộ khẩu thường trú: ấp M, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ sinh năm 1974 và bà Trần Thị T sinh năm 1969; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 29/9/2023 cho đến nay; hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an thành phố T, có mặt;

2. Nguyễn Tuấn Đ1, sinh năm 2003, tại Thành phố Hồ Chí Minh; hộ khẩu thường trú: số E, đường D, Phường B, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Kim T1 sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị Mỹ T2 sinh năm 1981; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 29/9/2023 cho đến nay; hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an thành phố T, có mặt;

3. Giản Đình V, sinh năm 2000, tại tỉnh Đắk Lắk, hộ khẩu thường trú: xóm D, thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Giản Đình T3 sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị P sinh năm 1976;

chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 29/9/2023 cho đến nay; hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an thành phố T, có mặt;

- *Bị hại:* Ông Trương Ngọc H, sinh năm 1990; thường trú: Thôn G, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: số F, tổ F, ấp T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Trương Ngọc H: Ông Nguyễn Tấn L1, Luật sư Công ty L3, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H, có đơn xin xét xử vắng mặt;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà Nguyễn Thị T4, sinh năm 1988; thường trú: Thôn G, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: số F, khu phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có mặt;

2. Ông Giản Đình Q, sinh năm 2003; địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt;

3. Bà Trần Thị D, sinh năm 1984; địa chỉ: Ấp K, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng; có mặt;

- *Người làm chứng:*

1. Ông Vũ Thái V1, vắng mặt;

2. Bà Trần Thị Thủy T5, vắng mặt;

3. Bà Võ Thị Như Q1, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Vũ L, Nguyễn Tuấn Đ1 và Giản Đình V có mối quan hệ là bạn với nhau.

Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 04/6/2023, L rủ 03 người bạn tên L2, T6 và T1 (không rõ nhân thân lai lịch) đến uống bia tại tiệm T10 do bà Nguyễn Thị Cẩm T7, là chị của L làm chủ. Trong lúc uống bia, bà T7 có nói cho L, T1, T6 và L2 về việc có mâu thuẫn với ông Trương Ngọc H; bà T7 nghi ngờ ông H xúi giục chồng của bà T7 là ông Đặng Văn T8 đánh bà T7.

Lúc này, L rủ T1, T6 và L2 đi đánh H thì cả nhóm đồng ý. L tiếp tục rủ thêm Đ1 và V đi đánh H thì Đ1 và V đều đồng ý. Sau đó, L nhờ ông Vũ Thái V1 là người làm chung với ông H tại Công ty TNHH Q2, hẹn ông H đến quán C thuộc tổ E, khu phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương để nói chuyện thì ông V1 đồng ý. Sau đó L điều khiển xe mô tô biển số 83C1-636.84 chở L2, T6 điều khiển xe mô tô biển số 59X1-884.37 chở T1, V điều khiển xe mô tô biển số 47T1 - 401.15 chở Đ1 đi đến quán C.

Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, ông H đến quán C để nói chuyện với L, trong lúc nói chuyện thì giữa ông H và L xảy ra cự cãi, L dùng tay đánh 01 cái

vào mặt của H thì Đ1, V, T9, L2 và T6 cũng xông vào dùng tay, chân và nón bảo hiểm đánh nhiều cái vào người của ông H gây thương tích. Sau khi đánh xong cả nhóm bỏ đi còn H được đưa đến Bệnh viện Đa khoa tỉnh B cấp cứu. Đến ngày 10/6/2023, bà Nguyễn Thị T4 là vợ của H đến Công an phường T trình báo sự việc. Công an phường T để xác lập hồ sơ ban đầu và chuyển giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T thụ lý điều tra theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra tạm giữ:

- 01 (một) xe mô tô biển số 47T1-401.15 nhãn hiệu Honda, loại Wave @, màu đen bạc, số khung: RLHJA3920MY298645, số máy: JA39E2423935;

- 01 (một) xe mô tô biển số 83C1-636.84 nhãn hiệu Suzuki, loại Raider, màu đen đỏ, số khung: 11ANLV144845, số máy: CGA1544841;

- 01 (một) nón bảo hiểm màu trắng có họa tiết màu đen;

- 01 (một) nón bảo hiểm màu vàng;

- 01 (một) áo khoác dài tay, màu vàng;

- 01 (một) áo thun ngắn tay, màu xanh;

Tại Kết luận Giám định pháp y về thương tích số 409 ngày 10/7/2023 của Trung tâm Pháp y tỉnh B kết luận tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Trương Ngọc H tại thời điểm giám định là 19% (mười chín phần trăm). Cơ chế hình thành thương tích: chấn thương đầu, cổ đã lành, không còn dấu tích nên không xác định được cơ chế hình thành thương tích; Chấn thương thận phải độ IV: chấn thương thận kín, không có vết thương ngoài da, khả năng do vật tày tác động vào vùng bụng phải hoặc vùng hông lưng phải gây ra.

Đối với xe mô tô biển số 83C1-636.84 qua tra cứu do bà Trần Thị D, đứng tên chủ sở hữu. Bà D cho Nguyễn Vũ L mượn xe mô tô này để sử dụng. Việc L sử dụng xe mô tô này để đi đánh gây thương tích cho Trương Ngọc H thì bà D không biết.

Đối với xe mô tô biển số 47T1-401.15 qua tra cứu do Giản Đình Q (là em ruột Giản Đình V) đứng tên chủ sở hữu. Ông Q cho Giản Đình V mượn xe mô tô này để sử dụng. Việc V sử dụng xe mô tô này để đi đánh gây thương tích cho Trương Ngọc H thì ông Q không biết.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Trương Ngọc H yêu cầu các bị cáo Nguyễn Vũ L, Nguyễn Tuấn Đ1 và Giản Đình V bồi thường tổng số tiền 183.237.630 đồng (bao gồm tiền điều trị thương tích 26.037.630 đồng; tiền ăn và đi lại trong quá trình điều trị thương tích 7.200.000 đồng; tiền thu nhập bị mất do bị thương tích 100.000.000 đồng; tiền tổn thất về tinh thần 50.000.000 đồng). Các bị cáo Nguyễn Vũ L, Nguyễn Tuấn Đ1 và Giản Đình V chưa bồi thường. Tại phiên toà các bị cáo Nguyễn Vũ L, Nguyễn Tuấn Đ1 và Giản Đình V đồng ý liên đới bồi thường cho bị hại Trương Ngọc H với số tiền là 183.237.630 đồng.

Tại Cáo trạng số 97/CT-VKS.TU ngày 21 tháng 3 năm 2024, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên quyết định truy tố các bị cáo Nguyễn Vũ L,

Nguyễn Tuấn Đ1, Giản Đình V về tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm như sau: Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở xác định Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo Nguyễn Vũ L, Nguyễn Tuấn Đ1, Giản Đình V là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự về hành vi đã thực hiện. Hành vi của các bị cáo đã phạm tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Vũ L từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù;

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn Đ1 từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù;

- Xử phạt bị cáo Giản Đình V từ từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù;

Về trách nhiệm dân sự: ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo Nguyễn Vũ L, Nguyễn Tuấn Đ1 và Giản Đình V, bị hại Trương Ngọc H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị T4, buộc các bị cáo Nguyễn Vũ L, Nguyễn Tuấn Đ1, Giản Đình V liên đới bồi thường cho bị hại tổng số tiền 183.237.630 đồng;

Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

Trả lại 01 (một) xe mô tô biển số 47T1-401.15 nhãn hiệu Honda, loại Wave @, màu đen bạc, số khung: RLHJA3920MY298645, số máy: JA39E2423935 cho ông Giản Đình Q;

Trả lại 01 (một) xe mô tô biển số 83C1-636.84 nhãn hiệu Suzuki, loại Raider, màu đen đỏ, số khung: 11ANLV144845, số máy: CGA1544841 cho bà Trần Thị D;

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) nón bảo hiểm màu trắng có họa tiết màu đen; 01 (một) nón bảo hiểm màu vàng; 01 (một) áo khoác dài tay, màu vàng; 01 (một) áo thun ngắn tay, màu xanh;

Các bị cáo Nguyễn Vũ L, Nguyễn Tuấn Đ1, Giản Đình V không trình bày tranh luận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại vắng mặt và có văn bản trình bày ý kiến: Đề nghị Toà án chấp nhận yêu cầu bồi thường của bị hại, buộc các bị cáo bồi thường cho bị hại tổng số tiền 183.237.630 đồng, bao gồm tiền điều trị thương tích 26.037.630 đồng; tiền ăn và đi lại trong quá trình điều trị thương tích 7.200.000 đồng; tiền thu nhập bị mất do bị thương tích 100.000.000 đồng; tiền tổn thất về tinh thần 50.000.000 đồng.

Bị hại trình bày: Đồng ý với ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là ông Nguyễn Tấn L1, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc các bị cáo bồi thường cho bị hại tổng số tiền 183.237.630 đồng.

Bị cáo Nguyễn Vũ L nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, để bị cáo sớm trở về với gia đình.

Bị cáo Nguyễn Tuấn Đ1 nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo xin lỗi bị hại, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, để bị cáo sớm trở về với gia đình.

Bị cáo Giản Đình V nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, để bị cáo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Cơ quan điều tra - Công an, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, Điều tra viên, Kiểm sát viên thực hiện việc điều tra, truy tố, ban hành quyết định, văn bản tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên đã truy tố đối với các bị cáo. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, những người làm chứng và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận: vào lúc 15 giờ 30 phút ngày 04/6/2023, tại quán C thuộc tổ E, khu phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, các bị cáo Nguyễn Vũ L, Nguyễn Tuấn Đ1, Giản Đình V và các đối tượng L2, T6, T1 (không rõ nhân thân lai lịch) đã có hành vi dùng tay, chân và nón bảo hiểm đánh nhiều cái vào người của bị hại Trương Ngọc H, làm cho bị hại bị chấn thương thận phải (kín) độ IV, với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 19%.

[3] Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự đầy đủ, nhận thức được hành vi của mình, thực hiện hành vi với lỗi cố ý. Căn cứ vào hành vi "dùng hung khí nguy hiểm" (tình tiết quy định tại điểm a khoản 1, Điều 134 Bộ luật Hình sự), tỷ lệ tổn thương cơ thể của bị hại là 19%, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên truy tố các bị cáo Nguyễn Vũ L, Nguyễn Tuấn Đ1, Giản Đình V về tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về vai trò: Bị cáo Nguyễn Vũ L là người khởi xướng và là người trực tiếp gây thương tích cho bị hại, bị cáo Nguyễn Tuấn Đ1 tiếp nhận ý chí cùng nhau đi đánh nhau với bị cáo L sau đó rủ thêm bị cáo Giản Đình V cùng đi đánh nhau giúp bị cáo Nguyễn Vũ L; bị cáo Giản Đình V là người tiếp nhận ý chí của bị cáo Đ1, cùng đi với Đ1 để giúp cho bị cáo Nguyễn Vũ L đến gặp bị hại Trương Ngọc H để giải quyết mâu thuẫn.

[7] Hiện nay tình trạng tập trung đông người, dùng hung khí nguy hiểm để giải quyết mâu thuẫn đang diễn ra phức tạp. Các bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn giúp người khác giải quyết mâu thuẫn nên vẫn cố ý thực hiện. Do đó cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian thích hợp nhằm có tác dụng răn đe giáo dục đối với các bị cáo. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử cân nhắc nhân thân, nguyên nhân phạm tội, quyết định mức hình phạt phù hợp.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Trương Ngọc H yêu cầu các bị cáo Nguyễn Vũ L, Nguyễn Tuấn Đ1 và Giản Đình V liên đới bồi thường tổng số tiền 183.237.630 đồng, bao gồm tiền điều trị thương tích 26.037.630 đồng; tiền ăn và đi lại trong quá trình điều trị thương tích 7.200.000 đồng; tiền thu nhập bị mất do bị thương tích 100.000.000 đồng; tiền tổn thất về tinh thần 50.000.000 đồng. Các bị cáo Nguyễn Vũ L, Nguyễn Tuấn Đ1 và Giản Đình V đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[9] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

[9.1] Đối với 01 (một) xe mô tô biển số 47T1-401.15 nhãn hiệu Honda, loại Wave @, màu đen bạc, số khung: RLHJA3920MY298645, số máy: JA39E2423935 là tài sản của ông Giản Đình Q; ông Q không biết bị cáo Giản Đình V dùng xe này vào việc phạm tội nên trả xe lại cho ông Q.

[9.2] Đối với 01 (một) xe mô tô biển số 83C1-636.84 nhãn hiệu Suzuki, loại Raider, màu đen đỏ, số khung: 11ANLV144845, số máy: CGA1544841 là tài sản của bà Trần Thị D, bị cáo Nguyễn Vũ L dùng xe này vào việc phạm tội thì bà D không biết nên trả xe này lại cho bà D;

[9.3] Đối với 01 (một) nón bảo hiểm màu trắng có họa tiết màu đen; 01 (một) nón bảo hiểm màu vàng; 01 (một) áo khoác dài tay, màu vàng; 01 (một) áo thun ngắn tay, màu xanh, là công cụ dùng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy;

[10] Đối với bà Nguyễn Thị Cẩm T7 và ông Vũ Thái V1 không biết việc Nguyễn Vũ L, Nguyễn Tuấn Đ1, Giản Đình V và L2, T6, T9 (không rõ nhân thân lai lịch) tìm Trương Ngọc H để đánh gây thương tích nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T không đề nghị xử lý là phù hợp.

[11] Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 1, 2 Điều 260; Điều 268; khoản 1 Điều 269; khoản 1 Điều 331 và khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Vũ L, Nguyễn Tuấn Đ1, Giản Đình V phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Vũ L 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29 tháng 9 năm 2023.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn Đ1 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29 tháng 9 năm 2023.

Xử phạt bị cáo Giản Đình V 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29 tháng 9 năm 2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự thoả thuận của các bị cáo, bị hại. Buộc các bị cáo Nguyễn Vũ L, Nguyễn Tuấn Đ1, Giản Đình V liên đới bồi thường cho bị hại Trương Ngọc H tổng số tiền 183.237.630 (một trăm tám mươi ba triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn sáu trăm ba mươi) đồng, bao gồm tiền điều trị thương tích 26.037.630 (hai mươi sáu triệu không trăm ba mươi bảy nghìn sáu trăm ba mươi) đồng; tiền ăn và đi lại trong quá trình điều trị thương tích 7.200.000 (bảy triệu hai trăm nghìn) đồng; tiền thu nhập bị mất do bị thương tích 100.000.000 (một trăm triệu) đồng; tiền tổn thất về tinh thần 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng; trong đó phần của mỗi bị cáo là 61.079.210 (sáu mươi mốt triệu không trăm bảy mươi chín nghìn hai trăm mười) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Trả lại cho ông Giản Đình Q:

- 01 (một) xe mô tô Honda Wave biển số 47T1-401.15; số khung: RLHJA3920MY298645, số máy: JA39E2423935, xe không bửng, không paga, không kính chiếu hậu, không kiểm tra máy;

Trả lại cho bà Trần Thị D:

- 01 (một) xe mô tô Suzuki Raider biển số 83C1-636.84; số khung: RLSDL11ANLV144845, số máy: CGA1544841, xe không kính chiếu hậu phải, không kiểm tra máy;

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) nón bảo hiểm màu trắng có họa tiết màu đen; 01 (một) nón bảo hiểm màu vàng; 01 (một) áo khoác dài tay, màu vàng; 01 (một) áo thun ngắn tay, màu xanh;

(Các vật chứng được ghi nhận trong Biên bản giao nhận vật chứng ngày 22 tháng 3 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương).

4. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a, c khoản 1 Điều 23, Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục Án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết:

Buộc các bị cáo Nguyễn Vũ L, Nguyễn Tuấn Đ1, Giản Đình V, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc các bị cáo Nguyễn Vũ L, Nguyễn Tuấn Đ1, Giản Đình V, mỗi bị cáo phải chịu 3.054.000 (ba triệu không trăm năm mươi bốn nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nếu vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- PV06, Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- Công an thành phố Tân Uyên;
- Chi cục THADS thành phố Tân Uyên;
- Bị cáo và người tham gia tố tụng;
- Lưu Văn thư, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Chữ Cần